

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
CÔNG TY MẸ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến 30/06/2017

Hà Nội, tháng 08 năm 2017

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P.Vĩnh Tuy- Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 36

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P.Vĩnh Tuy- Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp-CTCP trước đây là Công ty TNHH NN MTV- Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ- công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương và được chuyển đổi sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2015 về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 05 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (*Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

Ông Trần Quốc Toàn
Ông Nguyễn Khắc Hải
Ông Hoàng Minh Việt
Ông Cù Ngọc Phương

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Khắc Hải
Ông Phạm Thành Đông
Ông Lê Quốc Hưng
Ông Đậu Huy Ngọc Linh
Bà Trần Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Đinh Quang Hòa
Ông Lê Văn Phong

Trưởng Ban Kiểm soát
Ủy viên Ban Kiểm soát

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P.Vĩnh Tuy- Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp – CTCP cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

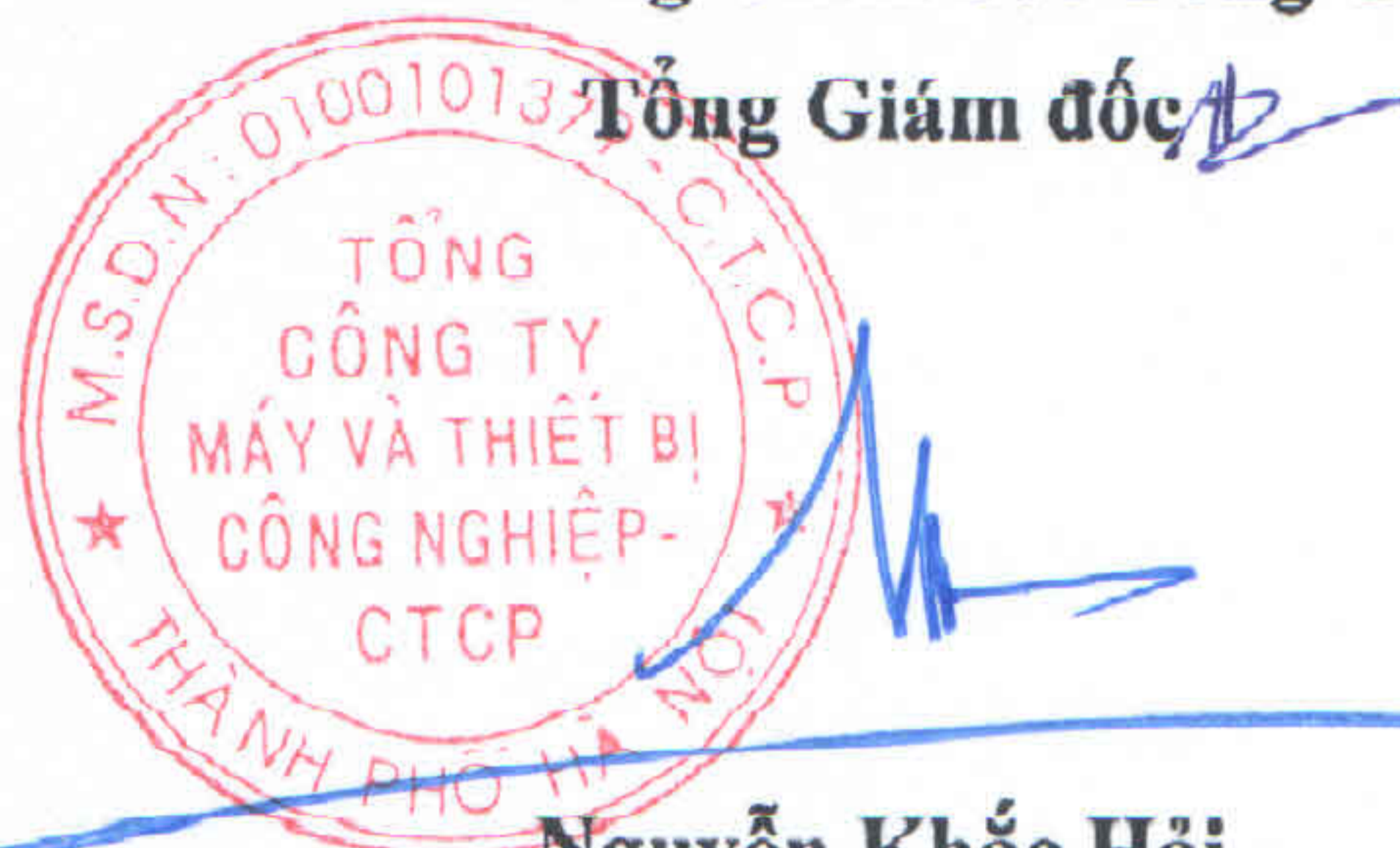
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp có sự kiện bất thường xảy ra buộc Công ty không thể tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty



Nguyễn Khắc Hải

Số: 709/2017/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho****giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
của Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP**

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP, được lập ngày 02/08/2017, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến 30/06/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

- Ngày 20/01/2017, Tổng Công ty được cấp Giấy đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 20/01/2017. Tại thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, Tổng Công ty đang tiến hành công tác quyết toán cổ phần hóa nên chưa có Biên bản bàn giao số liệu kế toán từ Công ty TNHH NN MTV sang Công ty cổ phần.
- Chúng tôi chưa có những tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được tồn thất (nếu có) của các khoản Đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh báo cáo tài chính bán niên phần V, đoạn 2, điểm c (trang 20) và khoản Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh

010
NG
NH
M T
VIE
HÀ I

báo cáo tài chính bán niên phần V, đoạn 02, điểm d (trang 21,22), ngoại trừ khoản đầu tư vào Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng.

- Như đã trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính bán niên phần V, đoạn 02, điểm b (trang 19,20) về khoản “Đầu tư vào công ty con”; Thuyết minh Báo cáo tài chính bán niên phần V, đoạn 03 (trang 23-24) về khoản “Phải thu khách hàng”; Thuyết minh Báo cáo tài chính bán niên phần V, đoạn 05 (trang 25) về khoản “Phải thu về cho vay ngắn hạn”; Thuyết minh Báo cáo tài chính bán niên phần V, đoạn 06 (trang 26) về khoản “Phải thu khác” cũng như khoản tiền “Trả trước cho người bán ngắn hạn” của Chi nhánh Tổng Công ty với số tiền là 1.277.194.629 đồng (đã tồn tại hơn 3 năm và trong 3 năm đó không có bất cứ giao dịch gì liên quan đến khoản trả trước này). Chúng tôi không đưa ra ý kiến về các vấn đề này.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ - Tổng Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Tài Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số: 0133-2015-137-1

Ủy quyền số 05/2015/UQ-CPA VIETNAM của Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 01a- DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	20/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		375.069.835.269	377.103.321.667
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	25.812.215.237	27.807.877.634
1. Tiền	111		10.812.215.237	14.587.877.634
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	13.220.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	15.000.000.000	40.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.000.000.000	40.000.000.000
III. Các khoản phải thu	130		239.021.875.618	244.813.705.416
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	191.562.035.049	198.251.047.093
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		28.414.627.615	21.312.739.130
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.04	969.890.000	637.500.000
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	2.500.000.000	2.500.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	20.775.067.786	22.112.419.193
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.199.744.832)	
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	93.393.794.860	62.921.431.614
1. Hàng tồn kho	141		93.393.794.860	62.921.431.614
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.841.949.554	1.560.307.003
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			5.090.910
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.841.949.554	1.555.216.093
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			1.228.595.685.305	1.230.275.711.837
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.000.000	20.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		20.000.000	20.000.000
II. Tài sản cố định	220		37.636.548.085	38.532.256.417
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	37.550.096.475	38.437.471.472
- Nguyên giá	222		46.337.696.076	46.298.878.803
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.787.599.601)	(7.861.407.331)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	86.451.610	94.784.945
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.548.390)	(5.215.055)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	1.190.293.153.622	1.190.988.405.922
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.164.902.795.084	1.164.902.795.084
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.800.000.000	1.800.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	258		24.285.610.838	24.285.610.838
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(695.252.300)	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		645.983.598	735.049.498
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	645.983.598	735.049.498
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.603.665.520.574	1.607.379.033.504

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 01a- DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	20/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		182.749.513.417	187.385.717.405
I. Nợ ngắn hạn	310		182.749.513.417	187.385.717.405
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	92.595.509.776	69.886.422.487
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		43.441.870.145	74.144.920.875
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	3.454.030.434	4.277.275.341
4. Phải trả người lao động	314		3.033.129.413	3.430.286.839
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	5.257.622.001	4.244.461.215
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	234.833.332	719.404.040
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	28.500.245.252	20.776.872.127
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	4.332.500.000	4.322.500.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			1.869.999.417
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.899.773.064	3.713.575.064
II. Nợ dài hạn	330			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.420.916.007.157	1.419.993.316.099
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1.420.916.007.157	1.419.993.316.099
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.419.993.316.099	1.419.993.316.099
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		140.030.285	
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		782.660.773	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421a		782.660.773	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước	421b			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.603.665.520.574	1.607.379.033.504

Người lập



Nguyễn Hữu Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc




Nguyễn Khắc Hải

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy –

Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Báo cáo tài chính giữa niên độ
từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017**

Mẫu số B 02a- DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	188.208.162.394	26.442.394.149
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		188.208.162.394	26.442.394.149
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	174.009.107.264	23.357.658.014
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		14.199.055.130	3.084.736.135
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.331.890.915	5.328.378.855
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	762.084.466	3.137.731.438
- Trong đó: Chi phí lãi vay			65.577.360	24.602.283
8. Chi phí bán hàng	24		22.556.545	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	14.196.686.288	1.559.714.167
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.549.618.746	3.715.669.385
11. Thu nhập khác	31	VI.06	97.280.165	420.784.404
12. Chi phí khác	32	VI.07	8.003.664	14.683.586
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		89.276.501	406.100.818
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.638.895.247	4.121.770.203
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		158.204.189	824.354.041
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 + 52)	60		1.480.691.058	3.297.416.162

Người lập



Nguyễn Hữu Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY
MÁY VÀ THIẾT BỊ
CÔNG NGHIỆP-
CTCP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Nguyễn khắc Hải

Ghi chú: Ngày bắt đầu kỳ báo cáo được thuyết minh tại Mục II- Niên độ kế toán -Thuyết minh Báo cáo tài chính (Trang 12)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 03a- DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày	Từ ngày
		20/01/2017 đến 30/06/2017	01/01/2017 đến 20/01/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		
1 Lợi nhuận trước thuế		1.638.895.247	4.121.770.203
2 Điều chỉnh cho các khoản		4.554.162.285	24.715.787
- Khấu hao TSCĐ	02	926.192.270	159.454.642
- Các khoản dự phòng	03	5.894.997.132	-
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(52.422.705)	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.280.181.772)	(134.738.855)
- Chi phí lãi vay	06	65.577.360	-
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vi	08	6.193.057.532	4.146.485.990
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	5.495.096.337	4.987.143.379
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(30.472.363.246)	7.424.800.945
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(4.655.357.717)	(7.814.291.021)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13	94.156.810	1.940.866.334
- Tiền lãi vay đã trả	14	(65.577.560)	(91.151.440)
- Thuế thu nhập đã nộp	15	(690.847.925)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	6.514.223.711	5.559.231.233
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(7.997.144.288)	(629.773.702)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(25.584.756.346)	15.523.311.718
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(43.018.000)	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	22	(10.130.847.533)	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	32.478.746.033	4.220.000.000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.282.247.287	524.966
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	23.587.127.787	4.220.524.966
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6.735.173.889	-
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.735.173.889)	(8.015.223.677)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(8.015.223.677)
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	(1.997.628.559)	11.728.613.007
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27.807.877.634	16.079.264.627
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	1.966.162	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	25.812.215.237	27.807.877.634

Người lập

Nguyễn Hữu Hiến

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc

Nguyễn Khắc Hải

Ghi chú: Ngày bắt đầu kỳ báo cáo được thuyết minh tại Mục II- Niên độ kế toán -Thuyết minh Báo cáo tài chính (Trang 12)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp-CTCP trước đây là Công ty TNHH NN MTV- Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ- công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương và được chuyển đổi sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2015 về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 05 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng). Cụ thể tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần (cp)</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương)	141.384.680	1.413.846.800.000	99,5726%
- Cán bộ công nhân viên công ty	537.820	5.378.200.000	0,3788%
- Nhà đầu tư khác	69.000	690.000.000	0,0486%
+ Cổ đông là cá nhân	49.000	490.000.000	0,0345%
+ Cổ đông là tổ chức	20.000	200.000.000	0,0141%
Cộng	141.991.500	1.419.915.000.000	100%

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng); Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập; Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị; Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2017, Tổng Công ty có các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
I. Đơn vị phụ thuộc			
1. Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp	- Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Đo đạc địa chính; Kinh doanh bất động sản...	100%	100%
2. Công ty Xây lắp Công nghiệp	- Chuẩn bị mặt bằng; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Đóng tàu và cấu kiện nổi; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác...	100%	100%
3. Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp	- Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyển giao công nghệ; Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy	100%	100%
II. Công ty con			
1. Công ty TNHH NN Một thành viên Cơ khí Hà Nội	- Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công - Kinh doanh thiết bị điện tử, gỗ, nhà ở, bất động sản - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư	100%	100%
2. Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung	- Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực - Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng	100%	100%
3. Công ty TNHH NN MTV XNK sản phẩm cơ khí	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí...	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại	100%	100%
5. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình - Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị	98,189%	98,189%
6. Công ty Cổ phần dụng cụ số 1	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí	51%	51%
7. Công ty cổ phần Cơ khí Cừ Long	Sản xuất các sản phẩm từ kim loại, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng	78,89%	78,89%
III. Công ty liên kết			
1. Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Sài Gòn- Hà Nội		20%	20%
2. Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Gia		1,645%	1,645%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thực hiện quá trình chuyển đổi sang Công ty cổ phần và xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/09/2014. Đến ngày 20/01/2017, Tổng Công ty được cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần và chuyển đổi hình thức hoạt động sang Công ty cổ phần. Theo Điều 21, Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Điều 10, thông tư 127/2014/TT-BTC qui định tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu thì doanh nghiệp cổ phần hóa phải lập Báo cáo tài chính để bàn giao từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước sang Công ty cổ phần. Do đó, Báo cáo tài chính bán niên này được hiểu là bắt đầu từ cuối ngày 20/01/2017 đến hết ngày 30/06/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính bán niên là đồng Việt Nam (ký hiệu “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính bán niên cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính bán niên.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc xác định tiền: Là toàn bộ số tiền mặt và tiền gửi ngân hàng hiện có của Tổng Công ty tại thời điểm lập Báo cáo tài chính bán niên.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch đối với ngân hàng thương mại. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào Kết quả Hoạt động Kinh doanh của kỳ hoạt động theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 “Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong Doanh nghiệp”.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác được trình bày trên báo cáo tài chính bán niên theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giảm giá chứng khoán đầu tư, nợ khó đòi tại doanh nghiệp và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4. Ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định (TSCĐ)

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến
30/06/2017
(số năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ
- Lợi thế thương mại
- Những khoản chi phí khác

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay ngắn hạn, dài hạn và nợ dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính bán niên theo giá trị ghi sổ của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay” và Điều 54 - Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến 30/06/2017 đang được tạm thời phân phối.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng hóa:** Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá hoặc dịch vụ đã được chuyển giao cho người mua;
 - Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác: được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận khi trong kỳ kế toán có phát sinh doanh thu bán hàng (hoặc CCDV). Ghi nhận giá vốn hàng bán phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán (trong việc tính giá vốn hàng bán)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính bán niên và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

doanh bán niên và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó, Tổng Công ty chưa trình bày thuyết minh về công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến 30/06/2017.

14. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Tổng Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị phát thanh truyền hình. Do đó, việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất và điều hành của Tổng Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Vì vậy, việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính nói chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

15. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

16. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P. Vĩnh Tuy - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN. (Đơn vị tính: VND)

	30/06/2017	20/01/2017
Tiền mặt	2.465.631.544	1.131.996.823
Tiền gửi ngân hàng	8.346.583.693	13.455.880.811
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	13.220.000.000
Tổng cộng	25.812.215.237	27.807.877.634

02. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi kỳ hạn (từ 3 tháng đến 12 tháng)	15.000.000.000	15.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Tổng cộng	15.000.000.000	15.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

02. Các khoản đầu tư tài chính

b) Đầu tư vào công ty con	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH MTV cơ khí Hà Nội (1)	644.670.174.361	(*)	644.670.174.361	(*)
Công ty TNHH MTV cơ khí Quang Trung (2)	163.327.600.924	(*)	163.327.600.924	(*)
Công ty TNHH MTV XNK sản phẩm cơ khí (3)	186.946.683.204	(*)	186.946.683.204	(*)
Công ty TNHH MTV XNK thiết bị toàn bộ	35.893.995.830	(*)	35.893.995.830	(*)
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải (5)	125.778.000.000	(*)	125.778.000.000	(*)
Công ty CP Dụng cụ số 1 (6)	4.099.574.020	(*)	4.099.574.020	(*)
Công ty CP cơ khí Cửu Long (7)	4.186.766.745	(*)	4.186.766.745	(*)
Tổng cộng	1.164.902.795.084	-	1.164.902.795.084	-

(1),(2),(3), (4): là đơn vị do Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp sở hữu 100% Vốn.

(5) Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải: được chuyển đổi từ Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải thuộc Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp ngày 28/11/2014. Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp sở hữu 98,189% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

(6) Công ty CP Dụng cụ số 1: được chuyển đổi từ Công ty dụng cụ cát và đo lường thuộc Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp ngày 17/11/2003. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp ghi nhận là 3.150.600.000 đồng, chiếm 51% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 4.099.574.020 đồng.

(7) Công ty CP Cơ khí Cửu Long: chuyển đổi từ Nhà Máy Cơ Khí Cửu Long thuộc Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp ngày 20/06/2006. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp ghi nhận là 3.123.900.000 đồng, chiếm 78,89% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 4.186.766.745 đồng.



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P. Vĩnh Tuy - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ
từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Ghi chú:

- Lũy kế của Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu thiết bị Toàn Bộ và Kỹ thuật tại ngày 30/06/2017 trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được soát xét là (11.549.046.907) đồng. Trong đó, lũy kế đến ngày 20/01/2017 (thời điểm Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần) là (10.720.060.901) đồng, đơn vị sẽ xử lý khi quyết toán cổ phần hóa và sẽ điều chỉnh theo kết quả quyết toán cổ phần được phê duyệt.

- Lỗ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến 30/06/2017 của Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu thiết bị Toàn Bộ và Kỹ thuật là (828.986.006) đồng; của Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội là (438.662.851) đồng. Tổng Công ty sẽ xem xét và trích lập dự phòng tài chính (nếu có) đối với các khoản đầu tư tài chính vào các công ty này theo qui định khi kết thúc năm tài chính 2017.

c) Đầu tư vào công ty liên kết

		30/06/2017		20/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Sài Gòn- Hà Nội (8)	1.800.000.000	(*)	-	1.800.000.000	(*)
Tổng cộng	1.800.000.000	-	-	1.800.000.000	-

(8): Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn- Hà Nội: Vốn điều lệ là 9.000.000.000 đồng chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 1.800.000.000 đồng.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng (9)	655.390.567	(*)	655.390.567	(*)
Công ty CP Đá Mài Hải Dương (10)	1.975.208.071	(*)	1.975.208.071	(*)
Công ty CP cơ khí Chế tạo Hải Phòng (11)	1.432.012.200	736.759.900	1.432.012.200	(*)
Công ty CP Xi măng Đồng Bành (12)	20.223.000.000	(*)	20.223.000.000	(*)
- <i>Vốn đầu tư của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp</i>	7.318.000.000		7.318.000.000	
- <i>Vốn góp của các cổ đông khác</i>	12.905.000.000		12.905.000.000	
Tổng cộng	24.285.610.838	736.759.900	24.285.610.838	-

(10) Công ty CP Đá Mài Hải Dương: được chuyển đổi từ Công ty Đá Mài trực thuộc Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp. Giá ban đầu của khoản đầu tư này là 1.000.000.000 đồng, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá tăng thêm 631.736.071 đồng. Tại ngày 30/06/2017, giá trị khoản đầu tư này được ghi nhận là 1.975.208.071 đồng.

(11) Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: được chuyển đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp ghi nhận là 1.037.690.000 đồng, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 1.463.141.355 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 đồng.

(12) Công ty CP Xi măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000.000 đồng. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 đồng, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 27.298.839.658 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 20.223.000.000 đồng.

(12a): là khoản đầu tư bằng vốn tự có của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp.

(12b): là khoản đầu tư bằng vốn huy động của Cán bộ Công nhân viên và các cổ đông khác, Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp -CTCP đứng tên trong giao dịch mua cổ phiếu.

Báo cáo tài chính giữa niên độ
từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Ghi chú:

(*): Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và Các khoản đầu tư khác (ngoại trừ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng) để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý dựa trên việc sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ
từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017

03. Phải thu khách hàng

a) Phải thu ngắn hạn

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Văn Phòng Tổng Công ty	182.132.535.118	5.199.744.832	191.610.689.448	
Phải thu các công ty con				
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội	-		1.105.207.319	
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	3.969.381.832		19.144.227.052	
Các khách hàng khác				
Ban Quản lý Dự án nhà máy Thủy điện Sơn La	8.556.370.564		20.679.517.000	
Công ty CP Thủy điện Pá Chiến	1.540.318.979		2.172.088.728	
Công ty Cổ phần An Thịnh	1.320.573.993		2.520.573.993	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia (1*)	79.401.628.984		79.401.628.984	
Công ty Cổ phần Thương mại CITICOM			6.859.639.559	
Tổng công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	26.168.468.540			
Công ty CP đầu tư và xây dựng cơ khí Sông Hồng	3.367.886.062	1.529.435.000	13.083.021.127	
Công ty TNHH ứng dụng Công nghệ mới NV	575.440.628		3.367.886.062	
Công ty Cổ phần cơ khí điện lực	3.792.718.153	2.654.902.707	3.792.718.153	
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	8.154.783.100			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Nho Quế	4.597.110.532		4.997.110.532	
Công ty Cổ phần Xây lắp điện I	3.521.645.405		935.647.452	
Công ty cổ phần Za Hưng	3.495.687.146			
Công ty TNHH Việt Lào	2.030.814.250	1.015.407.125	2.030.814.250	
Các đối tượng khác	31.639.706.950		31.520.609.237	

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Công ty Xây lắp Công nghiệp	1.214.278.909	1.214.278.909
Tổng công ty Xây dựng Công Nghiệp Việt nam (2*)	232.468.000	232.468.000
Công ty TNHH SEIL ENS Việt Nam (2*)	199.754.471	199.754.471
Chi nhánh tư vấn thiết kế & xây dựng (3*)	269.196.839	269.196.839
Công ty CP cơ khí LICOGI 16 (4*)	512.859.599	512.859.599
Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp	5.088.373.000	5.088.373.000
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội	642.571.731	642.571.731
Công ty cổ phần xây dựng 699	61.701.500	61.701.500
Công ty cổ phần Cơ khí 41 Thăng Long	527.099.369	527.099.369
Nhà Máy cơ khí Quang Minh - CN Tổng công ty cơ khí xây dựng	2.454.945.955	2.454.945.955
Công ty cổ phần cơ khí Tiên Sơn	1.402.054.445	1.402.054.445
- Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp (5*)	3.126.848.022	3.126.848.022
Công ty TNHH Tinh bột sắn Kon Tum	266.585.000	266.585.000
Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Tân Châu	1.955.450.000	1.636.450.000
Công ty TNHH Vi Toàn	291.000.000	291.000.000
Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đắk Tô	316.913.000	296.900.022
Khách hàng khác	296.900.022	296.900.022
Tổng cộng	191.562.035.049	198.251.047.093

(1*) Tổng Công ty đang có những giải pháp để thu hồi khoản công nợ này, đồng thời, bên đối tác cũng đã có những động thái tích cực trong việc trả nợ.

(2*): Khoản phải thu khách hàng của Công ty Xây lắp Công nghiệp là 432.222.471 đồng; nợ quá hạn có thời gian lớn hơn 3 năm (tỷ lệ trích lập dự phòng theo qui định là 100%)

(3*): Khoản phải thu khách hàng của Công ty Xây lắp Công nghiệp là 269.196.839 đồng; nợ quá hạn có thời gian từ 2-3 năm (tỷ lệ trích lập dự phòng theo qui định là 70%)

(4*): Khoản phải thu khách hàng của Công ty Xây lắp Công nghiệp là 512.859.599 đồng; nợ quá hạn có thời gian từ 1-2 năm (tỷ lệ trích lập dự phòng theo qui định là 50%)

(5*): Trong đó bao gồm khoản phải thu khách hàng của Chi nhánh Tổng Công ty là 854.485.022 đồng đã quá hạn thanh toán có thời gian lớn hơn 3 năm (tỷ lệ trích lập dự phòng theo qui định là 100%).

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P. Vĩnh Tuy – Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

04. Phải thu nội bộ

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu nội bộ ngắn hạn				
Công ty CP kinh doanh thiết bị Công nghiệp	637.500.000		637.500.000	
Công ty CP Cơ khí Cửu Long	312.390.000		-	
Công ty CP cơ điện và XD Quảng Nam	20.000.000		-	
Đối tượng khác				
Tổng cộng	969.890.000	-	637.500.000	-

05. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Xuất nhập khẩu - Đầu tư - Xây dựng Thăng Long	2.000.000.000		2.000.000.000	
Nguyễn Quyết Chiến (*)	500.000.000		500.000.000	
Tổng cộng	2.500.000.000		2.500.000.000	

(*): Thời gian đáo hạn là 31/12/2012. Thời gian nợ quá hạn > 3 năm (tỷ lệ trích lập dự phòng là 100% theo qui định).

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY ME**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ
từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017

06. Phải thu khác

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	20.775.067.786		22.112.419.193	
Chi phí cổ phần hóa	2.935.839.908		2.371.152.908	
Phải thu các công ty con	1.919.789.577		1.031.583.622	
Phải thu về BHXH, BHYT	152.342.125		119.964.000	
Lãi tiền gửi kỳ hạn dự thu	134.213.889		641.994.445	
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dầu tư Thăng Long	7.858.000.000		7.767.500.000	
Đối tượng khác (*)	2.756.496.862		877.727.441	
Tạm ứng (**)	5.018.385.425		9.302.496.777	
a) Phải thu dài hạn khác	20.000.000		20.000.000	
Ký quỹ, ký cược	20.000.000		20.000.000	
Tổng cộng	20.795.067.786		22.132.419.193	

(*): Trong đó, khoản lãi phải thu ông Nguyễn Quyết Chiến (gốc vay được trình bày tại Mục 5, trang 25) là 231.375.000 đồng. Theo qui định, tỷ lệ trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này là 100%.

(**): Trong đó bao gồm 413.904.017 đồng (tạm ứng của Chi nhánh Tổng Công ty) đã quá hạn thanh toán lớn hơn 3 năm, tỷ lệ trích lập dự phòng theo qui định là 100%.

07. Hàng tồn kho

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.696.461.140		30.650.551	
Công cụ, dụng cụ	-		9.261.818	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	77.242.104.961		45.211.788.606	
Hàng hóa	10.455.228.759		17.669.730.639	
Tổng cộng	93.393.794.860		62.921.431.614	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

08. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/10/2014	41.770.744.163	175.639.500	4.153.069.594	199.425.546	46.298.878.803
Tăng trong kỳ	-	-	-	38.817.273	38.817.273
- Mua trong kỳ	-	-	-	38.817.273	38.817.273
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 20/01/2017	41.770.744.163	175.639.500	4.153.069.594	238.242.819	46.337.696.076
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/10/2014	5.718.360.935	108.883.165	1.991.499.007	42.664.224	7.861.407.331
Tăng trong kỳ	699.406.280	10.517.680	195.339.205	20.929.105	926.192.270
- Khấu hao trong kỳ	699.406.280	10.517.680	195.339.205	20.929.105	926.192.270
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 20/01/2017	6.417.767.215	119.400.845	2.186.838.212	63.593.329	8.787.599.601
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/10/2014	36.052.383.228	66.756.335	2.161.570.587	156.761.322	38.437.471.472
Tại ngày 20/01/2017	35.352.976.948	56.238.655	1.966.231.382	174.649.490	37.550.096.475

09. Tăng giảm tài sản vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 20/01/2017	-	-	-	100.000.000	100.000.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2017	-	-	-	100.000.000	100.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 20/01/2017	-	-	-	5.215.055	5.215.055
Tăng trong kỳ	-	-	-	8.333.335	8.333.335
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	8.333.335	8.333.335
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2017	-	-	-	13.548.390	13.548.390
Giá trị còn lại					
Tại ngày 20/01/2017	-	-	-	94.784.945	94.784.945
Tại ngày 30/06/2017	-	-	-	86.451.610	86.451.610

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

10. Chi phí trả trước

	30/06/2017	20/01/2017
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	645.983.598	735.049.498
b) Dài hạn	554.200.498	508.674.201
- Chi phí công cụ, dụng cụ	91.783.100	226.375.297
- Phí bảo lãnh ngân hàng	645.983.598	735.049.498
Cộng		

11. Phải trả người bán

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	73.550.182.416	73.550.182.416	58.921.967.637	58.921.967.637
Văn Phòng Tổng Công ty	10.002.526.572	10.002.526.572	4.487.952.073	4.487.952.073
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	618.625.634	618.625.634	618.625.634	618.625.634
Công ty CP Lắp máy xây dựng và Thương mại Bắc Hà	1.803.936.524	1.803.936.524	1.803.936.524	1.803.936.524
Công ty CP Xây dựng phát triển và Đầu tư Hà Nội	956.722.000	956.722.000	1.978.682.976	1.978.682.976
Công ty CP An Tín Phát - Việt Nam	9.345.297.940	9.345.297.940	10.965.438.000	10.965.438.000
Công ty CP kết cấu thép & thiết bị nâng Việt Nam	5.111.260.000	5.111.260.000	5.111.260.000	5.111.260.000
Công ty CP thang máy và đầu tư HTC	7.340.000.000	7.340.000.000	7.340.000.000	7.340.000.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu - Đầu tư - Xây dựng Thăng Long	-	-	563.963.017	563.963.017
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Tú Vy	1.268.520.022	1.268.520.022	494.894.400	494.894.400
Công ty TNHH Tư vấn và TM Quốc tế Hoàng Dương	535.909.035	535.909.035	535.909.035	535.909.035
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	1.585.842.418	1.585.842.418	1.503.287.418	1.503.287.418
Viện Nghiên cứu Cơ khí				

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Chi nhánh Miền Nam Công ty CP Nồi hơi Việt Nam	764.028.000	764.028.000	764.028.000	764.028.000
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Đình Quý	634.443.500	634.443.500	634.443.500	558.603.499
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thiên Khang	85.468.891	85.468.891	85.468.891	315.294.790
Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ Lọc hóa dầu	518.758.000	518.758.000	518.758.000	518.758.000
Guilin gGuiye Industrial Co., Ltd	9.930.882.981	9.930.882.981	9.930.882.981	9.937.425.064
Linyi Huihang machinery Co.,Ltd	1.932.678.891	1.932.678.891	1.932.678.891	1.933.952.066
Wuhan Lidi Hydraulic Equipment Co.,Ltd	65.122.200	65.122.200	65.122.200	655.615.590
Công ty CP công nghệ công nghiệp INTEC	700.000.000	700.000.000	700.000.000	700.000.000
Đơn vị tương khác	20.350.159.808	20.350.159.808	20.350.159.808	8.134.341.551
Công ty Xây lắp Công nghiệp	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000
Công ty CP Dầu tư xây lắp Nguyễn Vũ	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
Hợp tác xã vận tải và thi công cơ giới số 6	80.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000
Công ty CP LICONS Việt Nam	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp	9.494.894.092	9.494.894.092	9.494.894.092	9.706.664.839
Công ty TNHH Kinh doanh Nam Long	1.670.618.930	1.670.618.930	1.670.618.930	1.500.026.462
CN Công ty TNHH TM&DV Kỹ thuật Nam Phát	1.128.371.966	1.128.371.966	1.128.371.966	1.228.371.966
Công ty TNHH Thương mại Dầu tư Yên Bình	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
Các đối tượng khác	5.595.903.196	5.595.903.196	5.595.903.196	5.878.266.411
Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp	9.435.433.268	9.435.433.268	9.435.433.268	1.142.790.011
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội	389.182.847	389.182.847	389.182.847	389.182.847
Công ty Nam Sơn	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH thiết bị thủy lực Yên Linh	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH NN MTV cơ khí Quang Trung	41.659.090	41.659.090	41.659.090	41.659.090
Công ty TNHH Thương mại công nghiệp và Xây dựng Tín Đạt	314.820.000	314.820.000	314.820.000	208.010.000
Các đối tượng khác	8.389.771.331	8.389.771.331	8.389.771.331	203.938.074
Tổng cộng	92.595.509.776	92.595.509.776	92.595.509.776	69.886.422.487
				69.886.422.487

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 20/01/2017	Phải nộp	Đã nộp	Tại ngày 30/06/2017
Thuế giá trị gia tăng	901.904.172	5.940.416.743	6.198.674.835	643.646.080
+ Thuế VAT đầu ra	901.904.172	3.772.023.327	4.030.281.419	643.646.080
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.168.393.416	2.168.393.416	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế TNDN	1.251.388.023	158.204.189	690.847.925	718.744.287
Thuế TNCN	40.037.813	156.775.141	188.118.220	8.694.734
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	38.213.277	38.213.277	-
Các loại thuế khác	1.000.000	-	1.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.082.945.333	-	-	2.082.945.333
Tổng cộng	4.277.275.341	6.293.609.350	7.116.854.257	3.454.030.434

13. Chi phí phải trả

	30/06/2017	20/01/2017
a) Ngắn hạn	-	-
Lãi vay phải trả	4.057.625.001	4.057.625.001
Trích trước phí bảo lãnh tạm ứng và thực hiện hợp đồng	1.199.997.000	186.836.214
b) Dài hạn	-	-
Cộng	5.257.622.001	4.244.461.215

14. Doanh thu chưa thực hiện

a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/06/2017	01/10/2017
Doanh thu cho thuê văn phòng và kho bãi	234.833.332	719.404.040
Tổng cộng	234.833.332	719.404.040

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P. Vĩnh Tuy – Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ
từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017

15. Phải trả khác

	30/06/2017	20/01/2017
a) Phải trả ngắn hạn	28.500.245.252	20.776.872.127
Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi Măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	4.219.988.040	4.219.988.040
Kinh phí công đoàn	48.348.674	44.796.162
Bảo hiểm xã hội	1.058.031.809	841.420.894
Bảo hiểm y tế	51.455.738	33.043.868
Bảo hiểm thất nghiệp	22.869.219	14.742.388
Công ty cổ phần cơ khí 41 Thăng Long	7.316.015.764	
Nhận ký quỹ, ký cược	76.000.000	672.000.000
Phải trả phải nộp khác	2.802.536.008	2.045.880.775
b) Dài hạn (chi tiết từng khoản mục) Cộng	28.500.245.252	20.776.872.127

16. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Nợ dài hạn đến hạn trả				
Tổng Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
b) Vay cá nhân				
Cán bộ CNV Tổng Công ty	332.500.000	332.500.000	322.500.000	322.500.000
Tổng cộng	4.332.500.000	4.332.500.000	4.322.500.000	4.322.500.000

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 20/01/2017	1.419.993.316.099	-	-	1.419.993.316.099
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	1.480.691.058	1.480.691.058
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
- Tạm phân phối lợi nhuận	-	140.030.285	(698.030.285)	(558.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2017	1.419.993.316.099	140.030.285	782.660.773	1.420.916.007.157

Ghi chú: Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 1.419.915.000.000 đồng và phần vốn nhà nước còn tồn lại là 78.316.099 đồng. Số tiền 78.316.099 đồng sẽ được xử lý khi có kết quả quyết toán cổ phần hóa.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2017	20/01/2017
Vốn Nhà nước	1.413.925.116.099	1.413.925.116.099
Vốn của các cổ đông khác	6.068.200.000	6.068.200.000
Cộng	1.419.993.316.099	1.419.993.316.099

c) Các giao dịch về vốn

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	1.413.925.116.099	1.413.925.116.099
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.419.993.316.099	1.413.925.116.099

d) Cổ phiếu

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

VI. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

Ghi chú: Ngày bắt đầu kỳ báo cáo được thuyết minh tại Mục II- Niên độ kế toán -Thuyết minh Báo cáo tài chính (Trang 12)

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Doanh thu bán hàng	88.414.892.717	1.330.753.170
Doanh thu cung cấp dịch vụ	855.807.217	322.070.687
Doanh thu hợp đồng xây dựng	98.937.462.460	24.789.570.292
Tổng cộng	188.208.162.394	26.442.394.149

02. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Giá vốn của hàng hóa đã bán	63.855.061.485	1.205.813.084
Giá vốn hợp đồng xây dựng	110.154.045.779	22.151.844.930
Giá vốn của dịch vụ cung cấp		
Tổng cộng	174.009.107.264	23.357.658.014

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.395.030.272	134.738.855
Lãi cho vay	113.125.000	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	772.026.500	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã	51.709.143	
Hoàn nhập dự phòng		5.193.640.000
Tổng cộng	2.331.890.915	5.328.378.855

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

04. Chi phí tài chính

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Lãi tiền vay	65.577.360	24.602.283
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.254.806	
Đánh giá lại khoản đầu tư tài chính		3.113.129.155
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	695.252.300	
Tổng cộng	762.084.466	3.137.731.438

05. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Chi phí nhân viên quản lý	4.477.022.500	772.021.691
Chi phí mua đồ dùng văn phòng	209.894.553	19.617.470
Chi phí khấu hao tài sản cố định	913.797.105	161.121.309
Thuế, phí, lệ phí	44.985.789	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	5.199.744.832	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	313.869.837	16.025.145
Chi phí bằng tiền khác	3.037.371.672	587.928.552
Tổng cộng	14.196.686.288	1.559.714.167

06. Thu nhập khác

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Lãi chậm trả	55.722.375	
Khác	41.557.790	420.784.404
Tổng cộng	97.280.165	420.784.404

07. Chi phí khác

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Các khoản khác	8.003.664	14.683.586
Tổng cộng	8.003.664	14.683.586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Thông tin về các bên liên quan

a) Bên liên quan

Các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty được coi là Bên liên quan.

Tên Công ty	Mối quan hệ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	100%
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	100%
Công ty TNHH NN MTV Xuất Nhập khẩu sản phẩm cơ khí	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu thiết bị toàn bộ và kỹ thuật	Công ty con	100%
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	98,18%
Công ty Cổ phần Cơ khí Cửu Long	Công ty con	78,89%
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Công ty con	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	20%

b) Giao dịch với Bên liên quan

Bán hàng hóa	Mối quan hệ	Từ ngày 20/01/2017 đến 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến 20/01/2017
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	15.294.994.727	-
Mua hàng hóa	Mối quan hệ	Từ ngày 20/01/2017 đến 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến 20/01/2017
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	1.620.423.710	
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	43.656.103.266	8.154.014.680
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con		
Công ty cổ phần dụng cụ số 1	Công ty con	7.807.300	

c) Số dư với các Bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 20/01/2017
Phải thu khách hàng			
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con		1.105.207.319
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	3.969.381.832	19.144.227.052
Phải thu khác			
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Quang Trung	Công ty con	653.272.984	653.272.984
Công ty TNHH NN MTV XNK sản phẩm cơ khí	Công ty con	378.310.638	378.310.638
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	1.286.997.062	1.286.997.062
Công ty Cổ phần Cơ khí Cửu Long	Công ty con	312.390.000	
Phải trả người bán			
Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	478.728.941	1.210.482.328
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Quang Trung	Công ty con	219.003.567	219.003.567
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	10.002.526.572	4.487.952.073

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

02. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến 20/01/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH CPA VIETNAM với ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

03. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến 30/06/2017, không có sự kiện nào ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến 30/06/2017 được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2017

Người lập



Nguyễn Hữu Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải